

ĐỔI MỚI TOÀN DIỆN GIÁO DỤC ĐÀO TẠO
TRONG KỶ NGUYÊN MỚI - KỶ NGUYÊN VƯƠN MÌNH
CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

COMPREHENSIVE INNOVATION IN EDUCATION
AND TRAINING IN THE NEW ERA — THE ERA OF VIETNAM’S NATIONAL RISE

NGUYỄN VĂN Y(*) và NGUYỄN QUỐC THÁI(**)

THÔNG TIN	TÓM TẮT
Ngày nhận bài: 09-7-2025 Ngày biên tập xong: 25-9-2025 Ngày duyệt đăng: 30-9-2025 Mã số: TCKH53-21-2025 ISSN: 2525 – 2429 Từ khóa: kỷ nguyên mới; giáo dục và đào tạo; kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Key words: new era; education and training; national rise.	Việt Nam trong kỷ nguyên mới nhằm hiện thực hóa mục tiêu trở thành nước công nghiệp hiện đại, thu nhập cao vào năm 2045 thành lập nước. Trong đó, đổi mới toàn diện giáo dục đào tạo nhằm tạo nguồn nhân lực đáp ứng kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc là việc rất quan trọng. Bài viết đề cập đến thuận lợi cũng như thách thức của giáo dục Việt Nam, từ đó, đề ra giải pháp để đổi mới toàn diện giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. ABSTRACT: In the new era, Vietnam is striving to realize its goal of becoming a modern, high-income industrialized nation by 2045. A pivotal component of this vision is the comprehensive reform of education and training to cultivate a workforce capable of meeting the demands of this transformative period — the era of national rise. This paper discusses both the opportunities and challenges facing Vietnam’s education system and proposes strategic solutions for a comprehensive overhaul of education and training in alignment with national aspirations in the new era.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Kỷ nguyên thường được sử dụng để phân chia thời gian trong lịch sử theo những biến cố lớn hoặc có sự thay đổi căn bản trong đời sống chính trị hay khoa học, công nghệ, môi trường. Kỷ nguyên vươn mình hàm ý tạo sự chuyển động mạnh mẽ, khoa học, dứt khoát, quyết liệt, tích cực, nỗ lực, tự tin để vượt qua khó khăn thách thức, vượt qua chính mình, có tầm nhìn thực hiện khát vọng, vươn tới mục tiêu, đạt được những thành tựu cao nhất [5, tr.1].

Kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam, đó là kỷ nguyên phát triển bền vững, kỷ nguyên giàu mạnh dưới sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản, xây dựng thành công nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh [5, tr.1]. Người dân có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, được tạo điều kiện tốt nhất để phát triển, làm giàu; đóng góp ngày càng nhiều cho hoà bình, ổn định, phát triển của thế giới, hạnh phúc của nhân loại và văn minh toàn cầu.

(*) PGS.TS. Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh, n.vy@hcmca.edu.vn

(**) ThS. Hội đồng nhân dân phường Nhiều Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh

Dưới tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ tư như Internet vạn vật, điện toán đám mây với mô hình giáo dục dựa trên công nghệ số, trí thông minh nhân tạo và chuyển đổi số sẽ dần hoàn thiện, tác động sâu sắc tới quá trình đổi mới giáo dục đào tạo mỗi quốc gia.

2. NỘI DUNG

2.1. Thực trạng về giáo dục Việt Nam trong thời gian qua

2.1.1. Những thành công của giáo dục Việt Nam trong thời kỳ đổi mới

Với sự định hướng, chỉ đạo của Đảng, Chính phủ, và sự đồng lòng của toàn ngành và sự ủng hộ của xã hội, giáo dục nước ta từng bước khẳng định vai trò là quốc sách hàng đầu, là nền tảng cho phát triển bền vững.

Thứ nhất, đổi mới về nội dung và phương pháp giáo dục theo hướng hiện đại, thiết thực. Một trong những thành công nổi bật là việc đổi mới chương trình giáo dục phổ thông theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học. Chương trình giáo dục phổ thông mới (2018) được triển khai theo lộ trình rõ ràng, bước đầu tạo chuyển biến trong cách dạy và cách học, khuyến khích tư duy sáng tạo, phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề, phát triển năng lực tự học, kỹ năng mềm và kỹ năng giao tiếp cho học sinh [4, tr.62]. Phương pháp giảng dạy cũng có nhiều cải tiến. Các cơ sở giáo dục từng bước chuyển từ truyền thụ kiến thức sang tổ chức hoạt động học tập tích cực, lấy học viên làm trung tâm. Nhiều mô hình dạy học tích hợp, liên môn, trải nghiệm sáng tạo được áp dụng rộng rãi. Các phong trào như “trường học hạnh phúc”, “trường học xanh, sạch, đẹp, an toàn”, “xây dựng văn hóa đọc”, đã góp phần tạo ra môi trường học tập tích cực, thân thiện, lấy người học làm trung tâm. Ở bậc đại học, xu hướng chuyển từ đào tạo theo niên chế sang đào tạo theo tín chỉ, từ chú trọng truyền đạt kiến thức sang rèn luyện kỹ năng, tư duy phản biện và năng lực đổi mới sáng tạo đã và đang phát huy hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của xã hội. Các

chương trình đào tạo tiên tiến, chương trình liên kết quốc tế ngày càng được mở rộng, đáp ứng nhu cầu đa dạng của xã hội và thị trường lao động toàn cầu, tăng cường kỹ năng thực hành.

Thứ hai, chuyển đổi số và phổ cập tri thức số bước đầu mang lại kết quả tích cực. Nhiều trường học, đặc biệt là bậc đại học và phổ thông ở các thành phố lớn, đã ứng dụng hiệu quả các nền tảng công nghệ để duy trì giảng dạy và học tập. Đây là tiền đề quan trọng để thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục. Một số địa phương đã thí điểm thành công các mô hình học tập suốt đời, nền tảng học tập mở và hệ thống quản lý học tập trực tuyến, thư viện số cộng đồng, và đây chính là hạt nhân cho việc xây dựng “xã hội học tập” trong tương lai.

Thứ ba, tăng cường đầu tư, coi giáo dục là quốc sách hàng đầu. Việc xác định rõ quan điểm: “Giáo dục là quốc sách hàng đầu” đã được thể hiện nhất quán trong các văn kiện Đại hội Đảng và được cụ thể hóa bằng hành động. Tỷ lệ chi ngân sách nhà nước cho giáo dục luôn duy trì ở mức xấp xỉ hoặc vượt 20% tổng chi ngân sách, tạo điều kiện cho đầu tư cơ sở vật chất, đổi mới chương trình và nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo. Ngoài ra, nhà nước cũng khuyến khích sự tham gia của các nguồn lực của xã hội vào phát triển giáo dục. Nhiều mô hình xã hội hóa giáo dục đã được triển khai đạt hiệu quả cao, nhất là trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học. Việc hình thành các quỹ học bổng, học phí linh hoạt cho người nghèo, tài trợ nghiên cứu... đã góp phần đảm bảo công bằng cho người dân trong việc tiếp cận giáo dục.

Văn kiện Đại hội XIII xác định rõ ràng, cụ thể mục tiêu, nhiệm vụ của giáo dục và đào tạo trong giai đoạn tới, nhằm xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, có sức khỏe, năng lực, trình độ, có ý thức, trách nhiệm cao đối với bản thân, gia đình, xã hội và Tổ quốc và “Chú trọng hơn giáo dục đạo đức, nhân cách, năng lực sáng tạo và các giá trị cốt lõi, nhất là giáo dục

tinh thần yêu nước, tự hào, tự tôn dân tộc, truyền thống và lịch sử dân tộc, ý thức trách nhiệm xã hội cho các tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ; giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc tốt đẹp của người Việt Nam [4, tr.68]; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Gắn giáo dục tri thức, đạo đức, thẩm mỹ, kỹ năng sống với giáo dục thể chất, nâng cao tầm vóc con người Việt Nam [1, tr.27].

Thứ tư, phát triển đội ngũ nhà giáo có đức, có tài, có tâm và có tầm. Công tác xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo được chú trọng hơn bao giờ hết. Nhiều chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho giáo viên vùng khó khăn, vùng sâu vùng xa đã được ban hành và thực hiện đồng bộ. Bộ chuẩn nghề nghiệp giáo viên, chuẩn hiệu trưởng đã được cập nhật theo xu hướng hiện đại, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ. Cuộc vận động xây dựng hình ảnh người thầy “Trách nhiệm - Kỷ cương - Tình thương” đã trở thành kim chỉ nam hành động cho giáo viên các cấp. Nhiều thầy cô giáo tâm huyết, tận tụy, sáng tạo đã trở thành tấm gương tiêu biểu, truyền cảm hứng mạnh mẽ cho thế hệ học sinh, sinh viên.

Thứ năm, từng bước phát triển nhân lực chất lượng cao, hội nhập quốc tế. Một số trường đại học trọng điểm đã được đầu tư mạnh để hướng tới chuẩn quốc tế, phát triển chương trình đào tạo theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ tiên tiến. Một số trung tâm đào tạo tiên tiến về trí tuệ nhân tạo, công nghệ chip, kỹ thuật bán dẫn bắt đầu được hình thành – mở ra cơ hội đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong các ngành then chốt. Việt Nam cũng ngày càng hội nhập sâu rộng vào hệ thống giáo dục quốc tế thông qua các chương trình liên kết đào tạo, trao đổi giảng viên, sinh viên và hợp tác với các đại học hàng đầu thế giới. Nhiều du học sinh Việt Nam trở về nước đã góp phần mang lại tri thức mới, kỹ năng hiện đại cho xã hội. Việc xúc tiến các chính sách thu hút nhân tài, chuyên gia, trí thức Việt Nam ở nước ngoài trở về đóng góp cho đất nước, cùng với các

chương trình đào tạo tài năng trong nước, đang từng bước xây dựng nền tảng cho một quốc gia có nguồn nhân lực đổi mới sáng tạo và trình độ cao.

2.1.2. Những hạn chế và thách thức trong phát triển giáo dục Việt Nam trong thời gian qua

Bên cạnh những kết quả và thành tựu đã đạt được, nền giáo dục nước ta vẫn đang phải đối mặt với nhiều hạn chế và thách thức lớn. Những tồn tại, hạn chế này không chỉ là hệ quả của lịch sử, điều kiện kinh tế - xã hội, mà còn phản ánh sự chậm thích ứng của hệ thống giáo dục với yêu cầu phát triển trong thời đại mới – thời đại của chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và toàn cầu hóa mạnh mẽ.

Một là, đổi mới giáo dục còn chưa đồng bộ, thiếu chiều sâu. Mặc dù đã có nhiều nỗ lực cải cách, nhưng thực tiễn cho thấy đổi mới giáo dục vẫn mang tính cục bộ, thiếu tính hệ thống. Việc triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới còn gặp nhiều khó khăn, từ việc biên soạn sách giáo khoa, đào tạo giáo viên, đến tổ chức dạy học thực tế tại các địa phương, nhất là vùng khó khăn. Ở cấp đại học, đổi mới chương trình và phương pháp đào tạo còn chậm, chưa theo kịp yêu cầu phát triển của thị trường lao động trong nước và quốc tế.

Hai là, bệnh thành tích và bệnh hình thức vẫn còn tồn tại. Một trong những vấn đề nan giải của giáo dục Việt Nam là căn bệnh thành tích, chạy theo số lượng hơn là chất lượng. Tình trạng “đẹp báo cáo, chưa đẹp thực chất” vẫn còn ở nhiều địa phương, trường học. Việc đánh giá học sinh, giáo viên, nhà trường còn thiên về hình thức, thiếu các tiêu chí phản ánh đúng năng lực thực và kết quả học tập. Nhiều chương trình giáo dục có ý nghĩa nhưng triển khai dàn trải, thiếu chiều sâu, dẫn đến quá tải cho giáo viên và học sinh. Điều này không những ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục mà còn làm giảm động lực và hứng thú học tập – giảng dạy.

Ba là, còn thiếu cơ chế mạnh mẽ để thu hút và giữ chân nhân tài, người có tài năng đặc

biệt. Công đào tạo, phát triển và trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhất là trong các lĩnh vực then chốt như trí tuệ nhân tạo, công nghệ, kỹ thuật, công nghệ bán dẫn... vẫn còn nhiều hạn chế. Chính sách đãi ngộ, khuyến khích sáng tạo cho đội ngũ nhà khoa học, giảng viên đại học, giáo viên phổ thông còn chưa thực sự đổi mới, chưa tạo được động lực đổi mới sáng tạo. Các cơ chế thu hút người tài về làm việc trong ngành giáo dục chưa đáp ứng kịp thời, nhất là khi so sánh với khu vực tư nhân hoặc thị trường lao động quốc tế. Các nhà nghiên cứu hàng đầu, chuyên gia giỏi vẫn còn ít cơ hội để phát huy năng lực và cống hiến trong môi trường giáo dục trong nước [2, tr.41].

Bốn là, đội ngũ nhà giáo còn thiếu và yếu ở một số khu vực, chuyển đổi số trong giáo dục chưa thực sự đột phá. Tình trạng thiếu giáo viên, đặc biệt ở bậc mầm non, tiểu học tại các khu vực có dân số tăng nhanh và ở vùng sâu, vùng xa vẫn đang diễn ra phổ biến. Một số địa phương khác lại thừa giáo viên, gây lãng phí nguồn lực và bất hợp lý trong phân bổ nhân sự. Việc đào tạo giáo viên chưa thực sự sát với thực tiễn, đặc biệt là năng lực sử dụng công nghệ thông tin, dạy học trực tuyến, tích hợp liên môn... còn yếu. Tình trạng một bộ phận giáo viên còn thụ động, ngại đổi mới, ngại học tập nâng cao trình độ, cũng đang là trở lực lớn trong công cuộc đổi mới giáo dục. Chuyển đổi số đang là xu thế không thể đảo ngược trong giáo dục toàn cầu, nhưng tại Việt Nam, quá trình này vẫn đang trong giai đoạn đầu, chưa tạo được những bước tiến đột phá. Số lượng nền tảng học tập trực tuyến hiện đại, hệ thống dữ liệu học tập tích hợp, các công cụ hỗ trợ học tập số còn hạn chế cả về chất lượng và quy mô. Nhiều giáo viên, học sinh chưa được trang bị đủ kỹ năng số để khai thác, sử dụng công nghệ trong học tập và giảng dạy. Hệ thống đánh giá, kiểm tra trực tuyến còn thiếu cơ chế đảm bảo chất lượng, thiếu công cụ giám sát tin cậy.

Năm là, chưa phát huy đầy đủ vai trò của gia đình, cộng đồng trong giáo dục. Dù giáo dục

là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của toàn dân, song sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong thực tiễn hiệu quả chưa cao. Phụ huynh chưa thực sự đồng hành cùng con em trong quá trình học tập. Quần chúng nhân dân, cộng đồng chưa có nhiều hoạt động hỗ trợ thiết thực cho nhà trường; trách nhiệm giáo dục toàn diện chưa được chia sẻ đúng mức, phần lớn học viên sau khi hoàn thành việc học ít hoặc không trở lại giúp sức cho ngành giáo dục. Những hạn chế, thách thức nêu trên chính là cơ sở thực tiễn và lý luận để ngành giáo dục xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong giai đoạn tiếp theo. Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo không thể chỉ dừng lại ở khẩu hiệu, mà cần hành động mạnh mẽ, đồng bộ, quyết liệt và kiên trì, từ Trung ương đến địa phương, từ cơ sở giáo dục đến từng người thầy, từng người học và từng gia đình.

2.1.3. Nguyên nhân của những hạn chế

Những hạn chế trong quá trình đổi mới giáo dục ở Việt Nam không phải là hiện tượng đơn lẻ, mà bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân đan xen, mang tính hệ thống và bối cảnh đặc thù.

Một là, về đổi mới giáo dục còn thiếu chiều sâu: Do phần lớn các cải cách mới chỉ dừng lại ở cấp độ chương trình, sách giáo khoa và phương pháp giảng dạy, mà chưa thực sự chạm đến cốt lõi của hệ thống giáo dục: Chính sách, cơ chế quản lý, động lực đổi mới của đội ngũ giáo viên và sự gắn kết giữa nhà trường với thị trường lao động. Một số địa phương triển khai đổi mới một cách hình thức, thiếu sự đồng bộ từ Trung ương tới cơ sở, dẫn đến việc những chủ trương dù tốt đẹp nhưng khó đi vào thực tiễn một cách hiệu quả.

Hai là, chú trọng bằng cấp hơn năng lực thực tế: Căn bệnh thành tích và hình thức trong giáo dục Việt Nam có gốc rễ sâu xa từ tâm lý xã hội đề cao bằng cấp hơn kỹ năng thực tế. Áp lực thi cử nặng nề, cùng với hệ thống đánh giá thiên về điểm số, đã khiến nhiều trường học và gia đình chạy theo thành tích để làm đẹp báo cáo hoặc đáp ứng các chỉ tiêu hành chính. Chưa phát huy đầy đủ vai trò giám sát chất lượng thực chất,

dẫn đến việc nhiều phong trào giáo dục chỉ mang tính khẩu hiệu, hình thức, thiếu chiều sâu.

Ba là, về chính sách thu hút và giữ chân nhân tài: Nguyên nhân chủ yếu nằm ở mức đãi ngộ tài chính chưa tương xứng và môi trường học thuật còn hạn chế. Nhiều chuyên gia giỏi lựa chọn làm việc ở nước ngoài, khu vực tư nhân do điều kiện nghiên cứu trong nước chưa đủ cạnh tranh và nhiều rào cản. Hệ thống hỗ trợ nghiên cứu như quỹ tài trợ, cơ sở vật chất, và cơ hội hợp tác quốc tế còn nhiều hạn chế, làm giảm động lực cống hiến lâu dài. Chính sách trọng dụng nhân tài chưa rõ ràng, thiếu cơ chế phát triển nghề nghiệp cho những người có năng lực vượt trội, dẫn đến chảy máu chất xám trong nhiều lĩnh vực quan trọng.

2.2. Giải pháp để đổi mới toàn diện giáo dục đào tạo trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam

Đổi mới toàn diện giáo dục đào tạo trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam cần quan tâm bám sát quan điểm, mục tiêu phát triển đất nước là, phát triển nhanh và bền vững đất nước dựa chủ yếu vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh... để xác định nhu cầu, nội dung đào tạo, đáp ứng yêu cầu của từng cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp sử dụng lao động với nhà trường; kết hợp chặt chẽ giữa giảng dạy và nghiên cứu khoa học trong giáo dục đại học và sau đại học, trong đó các nhà giáo đồng thời là những nhà khoa học, đổi mới sáng tạo.

Thứ nhất, đổi mới mạnh mẽ nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục theo hướng tinh giản, hiện đại, thiết thực, tăng tri thức, kỹ năng, phẩm chất của người học, tăng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn; chú trọng thực học. Chuyển mạnh giáo dục đại học từ lấy trang bị kiến thức làm mục tiêu chủ yếu sang dạy kỹ năng, dạy cách học, cách tư duy là chủ yếu. Cần thực hiện phong trào “bình dân học vụ số”, nhanh chóng phổ cập tri thức cơ bản về chuyển đổi số, công nghệ số, phát triển kinh tế số, xã hội số, văn

hóa số, công dân số cho cán bộ, đảng viên và toàn dân. Tăng cường các nguồn lực đầu tư của Nhà nước và xã hội cho phát triển giáo dục, thực sự coi đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển, coi giáo dục - đào tạo là “quốc sách hàng đầu”. Cần đổi mới toàn diện hệ thống đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục. Việc xây dựng cơ chế đánh giá dựa trên năng lực thực tiễn, kỹ năng giải quyết vấn đề và sự phát triển toàn diện của người học sẽ góp phần giảm bớt áp lực điểm số và thi cử nặng nề. Tăng cường minh bạch hóa dữ liệu giáo dục và khuyến khích sự tham gia giám sát của cộng đồng. Vai trò của phụ huynh, doanh nghiệp và xã hội cần được phát huy mạnh mẽ hơn trong giám sát và đồng hành cùng nhà trường.

Thứ hai, phát triển giáo dục là nền tảng, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao là một trong những khâu đột phá quan trọng thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, là yếu tố cơ bản để phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững. Bảo đảm ngân sách nhà nước chi cho giáo dục trong tổng chi ngân sách nhà nước theo đúng Nghị quyết mà Đảng đã đề ra. Có cơ chế, chính sách ưu đãi thu hút các nguồn lực ngoài nhà nước đầu tư phát triển giáo dục, đào tạo. Có chính sách ưu tiên, ưu đãi cho phát triển giáo dục và đội ngũ giáo viên và cổ vũ sự tôn vinh của xã hội đối với nhà giáo. Để giải quyết tình trạng đổi mới giáo dục còn thiếu chiều sâu, trước tiên cần thực hiện cải cách mạnh mẽ cơ chế quản lý giáo dục theo hướng minh bạch, trao quyền nhiều hơn cho các cơ sở giáo dục về chương trình giảng dạy, tài chính và tuyển dụng nhân sự. Việc thúc đẩy mô hình tự chủ đại học, tăng cường giám sát chất lượng độc lập, sẽ giúp các trường linh hoạt hơn trong thiết kế chương trình đào tạo gắn với nhu cầu thực tế của xã hội và doanh nghiệp. Ngoài ra, cần đẩy mạnh đào tạo lại đội ngũ giáo viên để đáp ứng yêu cầu đổi mới, giúp họ không chỉ làm tốt vai trò truyền đạt kiến thức mà còn là những người hướng dẫn sáng tạo và khai mở tư duy cho người học.

Thứ ba, tập trung xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục có đức, có tài, có tâm, có tầm, có đam mê, sức sáng tạo và có kỹ năng, kiến thức, năng lực truyền thụ, ham học hỏi, đổi mới sáng tạo, thật sự là những tấm gương để học sinh, sinh viên học tập, noi theo; đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu. Đồng thời, nâng cao “trách nhiệm - kỷ cương - tình thương” của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, để mỗi thầy giáo, cô giáo thực sự là tấm gương sáng cho học sinh và xã hội noi theo. Tập trung xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục có đức, có tài, là những người có đam mê, nhiệt huyết, kỹ năng, kiến thức, năng lực truyền thụ, ham học hỏi, đổi mới sáng tạo, thật sự là những tấm gương để học sinh, sinh viên học tập, noi theo; đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu. Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách điều động, luân chuyển giáo viên để giải quyết tình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ; thu hút được người giỏi vào ngành Giáo dục và tạo động lực cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục yên tâm công tác, đặc biệt là đội ngũ nhà giáo công tác tại vùng núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, hải đảo. Có giải pháp đột phá để phát triển đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, vừa làm việc trong ngành Giáo dục, đồng thời công hiến ở ngành, lĩnh vực khác. Xây dựng môi trường học tập thật sự lành mạnh, có sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên giữa nhà trường với gia đình, chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương; xác định rõ trách nhiệm của nhà trường, trách nhiệm của gia đình và trách nhiệm của xã hội. Đối với bài toán thu hút và giữ chân nhân tài, giải pháp cấp bách là cải thiện chế độ đãi ngộ, bao gồm tăng lương, phúc lợi và điều kiện làm việc cho đội ngũ nghiên cứu, giảng viên, đặc biệt trong các lĩnh vực mũi nhọn như công nghệ cao, trí tuệ nhân tạo và khoa học cơ bản.

Thứ tư, phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển

khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. “*Tăng cường đầu tư, đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, bảo đảm nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Có cơ chế, chính sách hấp dẫn về tín dụng, học bổng và học phí để thu hút học sinh, sinh viên giỏi theo học các lĩnh vực toán học, vật lý, sinh học, hóa học, kỹ thuật và công nghệ then chốt, nhất là ở các trình độ sau đại học. Xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo tài năng trên các lĩnh vực. Ban hành cơ chế đặc thù thu hút người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài có trình độ cao về Việt Nam làm việc, sinh sống. Có cơ chế đặc biệt về nhập quốc tịch, sở hữu nhà, đất, thu nhập, môi trường làm việc nhằm thu hút, trọng dụng, giữ chân các nhà khoa học đầu ngành, các chuyên gia, các "tổng công trình sư" trong và ngoài nước có khả năng tổ chức, điều hành, chỉ huy, triển khai các nhiệm vụ trọng điểm quốc gia về khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển công nghệ trí tuệ nhân tạo và đào tạo nguồn nhân lực. Xây dựng, kết nối và phát triển mạng lưới chuyên gia, nhà khoa học trong nước và quốc tế. Xây dựng một số trường, trung tâm đào tạo tiên tiến chuyên sâu về trí tuệ nhân tạo. Có cơ chế đặc thù về hợp tác công tư trong đào tạo nhân lực công nghệ số. Xây dựng nền tảng giáo dục, đào tạo trực tuyến, mô hình giáo dục đại học số, nâng cao năng lực số trong xã hội. Phát triển đội ngũ giảng viên, các nhà khoa học đủ năng lực, trình độ đáp ứng việc giảng dạy lĩnh vực khoa học cơ bản, công nghệ chip bán dẫn, vi mạch, kỹ thuật và công nghệ then chốt; đẩy mạnh hợp tác với các đại học uy tín của nước ngoài; đổi mới mạnh mẽ chương trình đào tạo theo chuẩn quốc tế, hiện đại hóa phương thức đào tạo và ứng dụng công nghệ tiên tiến, nhất là trí tuệ nhân tạo” [3, tr.56]*

Trách nhiệm vinh quang đòi hỏi những nỗ lực lớn lao, sự bứt phá mạnh mẽ, sự chung sức

đồng lòng của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta, trước hết và trực tiếp nhất là đội ngũ các nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục dưới sự lãnh đạo của Đảng nhằm “*Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; ưu tiên phát triển nguồn nhân lực cho công tác lãnh đạo, quản lý và các lĩnh vực then chốt trên cơ sở nâng cao, tạo bước chuyển mạnh mẽ, toàn diện, cơ bản về chất lượng giáo dục và đào tạo gắn với cơ chế tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ nhân tài...*” [2, tr.21] và xây dựng con người Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới có tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phấn đấu vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

3. KẾT LUẬN

Việt Nam đang bước vào một kỷ nguyên phát triển mới với những yêu cầu và thách thức mang tính chiến lược nhằm hiện thực hóa mục tiêu trở thành quốc gia công nghiệp hiện đại, có thu nhập cao vào năm 2045. Để đạt được điều

này, việc triển khai đổi mới và nâng cao hiệu quả phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; thúc đẩy vai trò của đội ngũ doanh nhân; và học hỏi kinh nghiệm quốc tế là vô cùng cần thiết. Giải pháp này không chỉ giúp Việt Nam tận dụng tối đa nội lực, mà còn tạo ra động lực mạnh mẽ để hội nhập sâu rộng với nền kinh tế toàn cầu, đồng thời giữ vững bản sắc văn hóa và lợi ích quốc gia. Thành công của chiến lược phát triển này phụ thuộc vào sự đổi mới tư duy lãnh đạo, sự tham gia tích cực của toàn dân, và việc áp dụng linh hoạt các mô hình phát triển tiên tiến phù hợp với điều kiện thực tiễn của đất nước. Khi các yếu tố này được thực hiện một cách hiệu quả và bền vững, Việt Nam sẽ có nền tảng vững chắc để vươn lên trở thành một cường quốc kinh tế, xã hội phát triển toàn diện và có vị thế vững chắc trên trường quốc tế. Việt Nam chỉ có thể vươn mình trong kỷ nguyên mới khi giáo dục thực sự trở thành động lực bền vững cho sự phát triển quốc gia. Đổi mới giáo dục không chỉ là trách nhiệm của ngành mà là sự nghiệp của toàn xã hội, để từ đó mỗi người dân Việt Nam đều có thể trở thành công dân toàn cầu, đồng thời giữ vững bản sắc dân tộc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Chính trị, *Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22-12-2024 của về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*, Báo Nhân Dân, ngày 26-12-2024.
- [2] Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, tập 1, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [3] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [4] Đảng Cộng sản Việt Nam (2025), *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020*, Hà Nội.
- [5] Tô Lâm, *Cơ sở định vị mục tiêu phát triển và định hướng chiến lược đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới*, Báo Nhân Dân, (25193), 2.